

Bản án số: 09/2018/HC-PT
Ngày 29-11-2018

V/v khiếu kiện văn bản trả hồ sơ cấp
giấy CNQSH nhà ở.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Dũng

Các Thẩm phán:

Bà Vũ Thị Loan

Ông Đào Đức Thiện

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Đại Dương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Dương Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 06/2018/TLPT-HC ngày 25 tháng 10 năm 2018 về khiếu kiện văn bản trả hồ sơ cấp giấy CNQSH nhà ở.

Do Bản án sơ thẩm số 04/2018/HC-ST ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐPT-HC ngày 06 tháng 11 năm 2018, Thông báo mở lại phiên tòa số 50/2018/TB-TA ngày 22/11/2018, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Trần Đình T, sinh năm 1939; địa chỉ: 57/7 đường Th, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Huỳnh Ngọc H – Luật sư, cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

- Người bị kiện: Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V; địa chỉ: 94 đường Đ, Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Tâm L, ông Lê Dương Thanh T1 (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Phòng Quản lý đô thị thành phố V; địa chỉ: 83 đường K, Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Hùng C – chuyên viên (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Đình T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 30/8/2017, ông Trần Đình T nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà đối với căn nhà tọa lạc tại địa chỉ 57/7 đường Th, phường N, thành phố V (gọi tắt là căn nhà số 57/7 đường Th) tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V (gọi tắt là Chi nhánh Văn phòng), ngày hẹn trả kết quả là ngày 28/9/2017.

Ngày 01/9/2017, Chi nhánh Văn phòng đã có văn bản số 190/CNVPĐK-ĐKCG gửi Phòng Quản lý đô thị thành phố V để lấy ý kiến đối với trường hợp chứng nhận QSH tài sản gắn liền với đất của ông Trần Đình T.

Ngày 15/9/2017 Phòng Quản lý đô thị thành phố V có văn bản ý kiến số 192/QLĐT-QHKT có nội dung nhận xét: Nhà cấp 4, 01 tầng + gác gỗ; tường cột gạch, nền gạch ceramic, mái tole chưa đủ điều kiện xác lập quyền sở hữu nhà ở. Lý do: nhà xây dựng không có bản vẽ thiết kế + giấy phép, có 01 phần nhà xây dựng nằm trong chỉ giới quy hoạch mở hẻm, vi phạm Quy chuẩn xây dựng Việt Nam.

Ngày 22/9/2017, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V đã ban hành văn bản số 4269/CNVPĐKĐĐ (gọi tắt là văn bản số 4269) về việc trả hồ sơ do chưa đủ điều kiện chứng nhận QSH nhà ở cho ông Trần Đình T.

Không đồng ý với việc trả lại hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận QSH nhà ở, ông Trần Đình T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy văn bản số 4269/CNVPĐKĐĐ ngày 22/9/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V, buộc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V nhận lại hồ sơ và cấp giấy chứng nhận QSH nhà ở cho ông.

Theo đơn khởi kiện ngày 12/3/2018 và các lần làm việc tại Tòa, người khởi kiện – ông Trần Đình T trình bày:

Căn nhà số 57/7 đường Th mà ông Trần Đình T xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu có nguồn gốc như sau: Ngày 12/01/2016, ông T có nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Thanh Ng, diện tích 42m² đất thuộc thửa đất số 527, tờ bản đồ số 04 theo giấy chứng nhận QSD đất số BD 037512 do UBND thành phố V cấp ngày 10/12/2010 cho bà Nguyễn Thị Thanh Ng và tài sản gắn liền trên đất là căn nhà cấp 4 được xây dựng từ năm 2002. Đến ngày 04/02/2016, ông T được xác nhận sang tên QSD đất trên.

Căn cứ để ông Trần Đình T đưa ra yêu cầu khởi kiện là:

Thứ nhất, ông T hiện đang sử dụng diện tích 42m² đất thổ cư thuộc tờ bản đồ số 04, thửa số 527 tọa lạc tại địa chỉ 57/7 đường Th, phường N, thành phố V.

Trên đất có căn nhà được xây dựng từ năm 2002, Chi nhánh văn phòng cho rằng căn nhà của ông vi phạm quy hoạch Nam sân bay là không có cơ sở vì quy hoạch này ra đời vào năm 2006 và đến nay vẫn là quy hoạch treo, chưa thực hiện và không biết đã thực hiện như thế nào.

Thứ hai, Chi nhánh Văn phòng cho rằng căn nhà 57/7 đường Th có một phần nhà xây dựng nằm ngoài chỉ giới quy hoạch mở hẻm. Tuy nhiên, nhà ông T có diện tích xây dựng 42m² được xây dựng trên diện tích 42m² đất đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất vào năm 2010 nên toàn bộ kiến trúc đều nằm trong phạm vi đất đã được cấp giấy.

Lý do trả hồ sơ là do Chi nhánh văn phòng cho rằng căn nhà ông T xin cấp giấy không có bản vẽ thiết kế, không có giấy phép, có 01 phần nhà xây dựng nằm ngoài chỉ giới quy hoạch mở hẻm, vi phạm quy chuẩn xây dựng Việt Nam. Tuy nhiên, nhà này xây dựng năm 2002 trước khi có quy hoạch (Quy hoạch năm 2006), giấy chứng nhận QSD đất vào năm 2010, vậy tại sao khi đo đạc lại đo đúng đủ diện tích cấp giấy. Vậy nếu có sai thì cơ quan nhà nước sai chứ người dân không sai. Mặt khác, theo quy định của Bộ Tài nguyên và môi trường thì quy hoạch chỉ có thời hạn 3 năm, nếu không thực hiện được thì phải hủy bỏ quy hoạch và trong quy hoạch có chỉ đích danh hẻm số 413 không nay lại cho rằng căn nhà này xây dựng vi phạm quy hoạch.

Thứ ba: Ông Trần Đình T cho rằng căn nhà số 57/7 đường Th được UBND phường N xác nhận hoàn thành năm 2002, trước khi có quy hoạch Nam sân bay nên đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở theo quy định điểm h khoản 1 Điều 8 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ.

Ông Trần Đình T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy văn bản số 4269/CNVPĐKĐĐ ngày 22/9/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V, buộc Chi nhánh Văn phòng đăng ký QSD đất thành phố V nhận lại hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận QSH nhà ở cho ông.

Theo Văn bản số 1682/CNVPĐK ngày 16/4/2018 và các lần làm việc tại tòa, đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Sau khi tiếp nhận hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận QSH căn nhà 57/7 đường Th của ông Trần Đình T, căn cứ điểm d khoản 3 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, chi nhánh Văn phòng đã có công văn gửi Phòng Quản lý đô thị thành phố V để lấy ý kiến đối với trường hợp của ông Trần Đình T. Căn cứ nội dung công văn số 192/QLĐT-QHKT ngày 15/9/2017 của Phòng Quản lý đô thị thành phố V thì nhà của ông T xin cấp giấy không có bản vẽ thiết kế, không có giấy phép, có 01 phần nhà xây dựng nằm ngoài chỉ giới quy hoạch mở hẻm, vi phạm quy chuẩn xây dựng Việt Nam nên căn cứ khoản 1 Điều 35 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thì trường hợp này không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận QSH nhà ở.

Vì vậy, ngày 22/9/2017, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố

V đã ban hành văn bản số 4269/CNVPĐKĐĐ về việc trả hồ sơ do chưa đủ điều kiện chứng nhận QSH nhà ở.

Nay, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đình T vì văn bản số 4269/CNVPĐKĐĐ được ban hành là đúng về mặt nội dung cũng như hình thức.

Theo Văn bản số 1856/QLĐT-GHKT ngày 29/8/2018 và các lần làm việc tại tòa, Phòng quản lý đô thị thành phố V trình bày:

Căn nhà số 57/7 đường Th, phường N, thành phố V thuộc đồ án quy hoạch khu dân cư Nam sân bay đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1400/QĐ-UBND ngày 10/5/2006. Theo quy hoạch được duyệt thì thửa đất thuộc quy hoạch khu dân cư. Theo quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc thành phố V đã được UBND thành phố V phê duyệt tại Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 08/7/2014 thì hẻm quy hoạch mở đường mở rộng 5m.

Theo ông T trình bày thì căn nhà này ông T nhận chuyển nhượng lại, căn nhà do chủ cũ xây dựng không phép từ năm 2002. Do căn nhà ông T xây dựng từ năm 2002 nên không bị xử phạt vi phạm hành chính do hết thời hiệu nhưng phải bị xử phạt biện pháp khắc phục. UBND phường N có trách nhiệm lập biên bản vi phạm chuyển hồ sơ về phòng quản lý đô thị để trình UBND thành phố ban hành quyết định xử phạt khắc phục hậu quả do nhà xây dựng không phép. Sau khi nộp phạt, chủ nhà phải lập hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng, phải khắc phục phần công trình không đúng, sau đó mới được cấp giấy chứng nhận QSH nhà ở.

Bản án sơ thẩm số 04/2018/HC-ST ngày 20/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố V quyết định:

Áp dụng các Điều 30, 31, 193, 194, 204, 206 Luật Tổ tụng Hành chính; Điều 31, Điều 35, Điều 60, Điều 61, Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai; Điều 43 Nghị định số 90/2006/NĐ-CP ngày 06/9/2006 về việc hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đình T, về việc: Yêu cầu hủy văn bản số 4269/CNVPĐKĐĐ ngày 22/9/2017, về việc trả hồ sơ do chưa đủ điều kiện chứng nhận QSH nhà ở của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V và yêu cầu buộc Chi nhánh Văn phòng đăng ký QSD đất thành phố V nhận lại hồ sơ xin cấp chứng nhận QSH nhà ở.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 26/9/2018 người khởi kiện có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm với lý do bản án tuyên không đúng sự thật, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu sửa bản án sơ thẩm số 04/2018/HC-ST ngày 20/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố V theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, tuyên hủy văn bản số 4269/CNVPĐKĐĐ ngày 22/9/2017 của

Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V, buộc Chi nhánh văn phòng nhận hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà 57/7 đường Th, phường N, thành phố V của ông T.

Tại phiên tòa:

Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu khởi kiện. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đề nghị chấp nhận kháng cáo, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện cho rằng việc Chi nhánh văn phòng trả hồ sơ cho ông T là đúng quy định, đề nghị bác yêu cầu của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung: Nhà 57/7 đường Th được xây dựng trước năm 2006, trước khi có quy hoạch, có xác nhận của UBND phường N nên đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 31 Nghị định 43/2014/NĐ-CP. Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, hủy văn bản số 4269/CNVPĐKĐĐ ngày 22/9/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V, buộc Chi nhánh Văn phòng đăng ký QSD đất thành phố V nhận lại hồ sơ xin cấp chứng nhận QSH nhà ở của ông T.

XÉT THẤY:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

Kháng cáo của ông Trần Đình T trong thời hạn và đúng thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa người bị kiện vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu vắng mặt, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện có mặt. Căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[2] Về thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định là đúng pháp luật.

[3] Về nội dung kháng cáo:

[3.1] Theo trình bày của ông Trần Đình T thì căn nhà số 57/7 đường Th mà ông Trần Đình T xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu có nguồn gốc do ông T nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Thanh Nguyên, diện tích 42m²

đất thuộc thửa đất số 527, tờ bản đồ số 04 theo giấy chứng nhận QSD đất số BD 037512 do UBND thành phố V cấp ngày 10/12/2010 cho bà Nguyễn Thị Thanh Nguyên và tài sản gắn liền trên đất là căn nhà cấp 4 được xây dựng từ năm 2002. Đến ngày 04-02-2016, ông T được xác nhận sang tên QSD đất trên.

Theo đơn xác nhận thời điểm xây dựng nhà của ông Trần Đình T, Ủy ban nhân dân phường N, thành phố V xác nhận : Ông Trần Đình T đang sử dụng thửa đất số 527, tờ số 04, diện tích 42.0m² đất ở đô thị, giấy chứng nhận QSDĐ số BD 037521 do UBND thành phố V cấp ngày 10/12/2010. Hiện trên thửa đất có nhà cấp 4 (có gác). Căn nhà có nguồn gốc do bà Nguyễn Thị Thanh Ng (người sử dụng đất cũ) tự xây dựng không phép trong năm 2002. Năm 2010 bà Nguyễn Thị Thanh Ng tiến hành làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSDĐ, đến ngày 12/10/2010 UBND thành phố V cấp giấy chứng nhận QSDĐ mang số BD 037521 tuy nhiên trong giấy chứng nhận QSDĐ không ghi phần nhà ở trên đất. Ngày 04/02/2016 bà Ng chuyển nhượng QSDĐ cho ông Trần Đình T. Hiện căn nhà mang số 57/7/ đường Th, phường N, thành phố V.

Phòng quản lý đô thị thành phố V xác định căn nhà số 57/7 đường Th thuộc đồ án quy hoạch khu dân cư Nam sân bay đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1400/QĐ-UBND ngày 10/5/2006. Theo quy hoạch được duyệt thì thửa đất thuộc quy hoạch khu dân cư. Theo quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc thành phố V đã được UBND thành phố V phê duyệt tại Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 08/7/2014 thì hẻm quy hoạch mở đường mở rộng 5m.

Do vậy, có căn cứ xác định căn nhà số 57/7 đường Th được xây dựng từ năm 2002, trước thời điểm có quy hoạch khu dân cư Nam sân bay (năm 2006), trước thời điểm có quy hoạch kiến trúc thành phố V (năm 2014).

[3.2] Xét về điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở thì thấy:

Điều h khoản 1 Điều 31 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai quy định:

Điều 31. Chứng nhận quyền sở hữu nhà ở

Chủ sở hữu nhà ở thuộc đối tượng được sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở và có giấy tờ chứng minh việc tạo lập hợp pháp về nhà ở thì được chứng nhận quyền sở hữu theo quy định sau đây:

1. Hộ gia đình, cá nhân trong nước phải có một trong các loại giấy tờ sau:

...

h) Trường hợp cá nhân trong nước không có một trong những giấy tờ quy định tại các Điều a, b, c, d, đ và e Khoản này thì phải có giấy tờ xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về nhà ở đã hoàn thành xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2006, được xây dựng trước khi có quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng hoặc phải phù hợp quy hoạch đối với trường hợp xây dựng sau khi có quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch điểm dân cư nông thôn theo quy định của pháp luật. Trường hợp nhà ở hoàn thành xây dựng

kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2006 trở về sau thì phải có giấy tờ xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về nhà ở không thuộc trường hợp phải xin giấy phép xây dựng và đáp ứng điều kiện về quy hoạch như trường hợp nhà ở xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2006; trường hợp nhà ở thuộc đối tượng phải xin phép xây dựng mà không xin phép thì phải có giấy tờ của cơ quan quản lý về xây dựng cấp huyện chấp thuận cho tồn tại nhà ở đó.

Xét căn nhà số 57/7 đường Th có giấy tờ xác nhận của Ủy ban nhân dân phường N về nhà ở đã hoàn thành xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2006, được xây dựng trước khi có quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng được nêu đủ điều kiện để được chứng nhận quyền sở hữu nhà ở theo điểm h khoản 1 Điều 31 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

Do đó, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố V trả lại hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở của ông T theo văn bản số 4269/CNVPĐKĐĐ ngày 22/9/2017 với lý do chưa đủ điều kiện được cấp là không có căn cứ pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông T. Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông T không có giấy tờ chứng minh tài sản được tạo lập hợp pháp nên không thuộc đối tượng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 31 Nghị định 43/2014/NĐ-CP là không có căn cứ.

[3.3] Ông Trần Đình T sinh năm 1939, theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/16 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông T thuộc trường hợp người cao tuổi (trên 60 tuổi) là đối tượng được miễn nộp án phí. Do đó bản án sơ thẩm tuyên ông T phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận chưa chính xác.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đình T.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông Trần Đình T là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của ông Trần Đình T được chấp nhận và sửa bản án sơ thẩm nên ông T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng Hành chính;

Căn cứ điểm h khoản 1 Điều 31, Điều 60, Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai;

Căn cứ khoản 2 Điều 32, khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/16 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận kháng cáo của ông Trần Đình T, sửa toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 04/2018/HC-ST ngày 20/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố V.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đình T.

Hủy văn bản số 4269/CNVPĐKĐĐ ngày 22/9/2017, về việc trả hồ sơ do chưa đủ điều kiện chứng nhận QSH nhà ở của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V.

Buộc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V nhận lại hồ sơ xin cấp chứng nhận QSH nhà ở cho ông Trần Đình T theo quy định của pháp luật.

2. Án phí hành chính sơ thẩm:

Ông Trần Đình T không phải nộp án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông T số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001135 ngày 18 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

3. Áp phí hành chính phúc thẩm: Ông Trần Đình T không phải nộp.

4. Các đương sự có quyền yêu cầu thi hành bản án, quyết định theo quy định tại các Điều 309, 311, 312 Luật tổ tụng hành chính.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND Tp. V;
- VKSND Tp. V;
- Chi Cục THADS Tp. V;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trung Dũng